ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Học phần:** **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

**Mã số: VCP121**

**Số tín chỉ: 02**

**Giảng dạy cho CTĐT: Kinh tế đầu tư**

**Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**Bộ môn phụ trách: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**Thái Nguyên, 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD  **KHOA**: **KHOA HỌC CƠ BẢN**  **Bộ môn phụ trách**: **Lý luận Chính trị** |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần:** Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; **Mã học phần:** VCP121

**2. Tên Tiếng Anh: History of the Communist Party of Vietnam.**

**3. Số tín chỉ:** 02 **tín chỉ** (tương đương 36 tiết = 24 tiết lý thuyết +12 tiết thảo luận)

**Giảng dạy cho CTĐT: Kinh tế đầu tư**

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | Th.S Nguyễn Thị Như Quỳnh | 0945 018 019 | [ntnquynh@tueba.edu.vn](mailto:ntnquynh@tueba.edu.vn) |  |
| 2 | Th.S Lê Thị Bích Thủy | 0354 124 000 | [lethibichthuy@tueba.edu.vn](mailto:lethibichthuy@tueba.edu.vn) |  |
| 3 | Th.S Nguyễn Thị Thu Phương | 0868 040 886 | [nttphuong@tueba.edu.vn](mailto:nttphuong@tueba.edu.vn) |  |
| 4 | Th.S Trần Thị Phương Hạnh | 0966 925 311 | [ttphanh@tueba.edu.vn](mailto:ttphanh@tueba.edu.vn) |  |
| 5 | TS. Trần Huy Ngọc | 0949 128 678 | [thngoc@tueba.edu.vn](mailto:thngoc@tueba.edu.vn) | Phó trưởng khoa KHCB |
| 6 | Th.S Tạ Bích Huệ | 0977 598 162 | [tbhue@tueba.edu.vn](mailto:tbhue@tueba.edu.vn) |  |
| 7 | Th.S Bùi Thị Trà Ly | 0983 759 581 | [ly\_tccb@tueba.edu.vn](mailto:ly_tccb@tueba.edu.vn) |  |

**6. Mô tả học phần:**

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc bộ môn Lý luận chính trị, được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2021.

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930 - 1975) và quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ năm 1975 đến nay). Qua đó khẳng đinh các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vao thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần này cung cấp cho giúp sinh viên những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho học tập và nghiên cứu các môn thuộc khối chuyên ngành.

**7. Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị*  *cho sinh viên:* | **CĐR CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| C01 | Cung cấp cho sinh viên hệ thống những vấn đề cơ bản của lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tương ứng với 3 thời kỳ nổi bật của lịch sử Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới (1975 đến nay).; cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn; phát huy tính sáng tạo. | PLO1: 1.1 CTĐT Kinh tế đầu tư | **3** |
| C02 | Trang bị cho sinh viên các kĩ năng: Giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tổng hợp, thu thập, xử lý thông tin, tự học và sáng tạo, lập luận tư duy để giải quyết các vấn đề trong học tập, nghiên cứu, công tác thực tiễn và lịch sử Việt Nam. | PLO2: 2.2 CTĐT Kinh tế đầu tư | **3** |
| C03 | Giúp cho thế hệ trẻ Việt Nam luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam và với chế độ XHCN, củng cố, bồi đắp niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, tự hào về Đảng và thế hệ trẻ gia nhập Đảng, tham gia xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, tiếp tục thực hiện sứ mệnh vẻ vang của Đảng lãnh đạo bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.  Có năng lực làm việc và nghiên cứu độc lập, khả năng thích nghi cao với các môi trường khác nhau; hình thành kỹ năng làm việc nhóm, đưa ra định hướng và giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc, khả năng tự học hỏi có tinh thần dám làm dám chịu. | PLO3: 3.2 CTĐT Kinh tế đầu tư | **3** |

**8. CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **CĐR CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| CLO1 | Hiểu và hệ thống hóa được khái niệm Đảng Cộng sản Việt Nam cùng nội dung tri thức về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945). Giúp củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. Từ đó, góp phần hoàn thiện tư duy và lập trường chính trị phù hợp với yêu cầu khách quan. | PLO1: 1.1, PLO2: 2.2, PLO3: 3.2 CTĐT Kinh tế đầu tư | **3** |
| CLO2 | Hiểu nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975. Góp phần hình thành năng lực đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử của Đảng. Từ đó, nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.Trên cơ sở đó hình thành căn cứ khoa học để điều chỉnh hành vi khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội trong bối cảnh hiện nay. | PLO1: 1.1, PLO2: 2.2, PLO3: 3.2 CTĐT Kinh tế đầu tư | **3** |
| CLO3 | Rèn luyện phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học; Giúp sinh viên nắm được Cương lĩnh, đường lối, và những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay. Từ đó, góp phần nâng cao trình độ tư duy và khả năng vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn trong quá trình Việt Nam phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. | PLO1: 1.1, PLO2: 2.2, PLO3: 3.2 CTĐT Kinh tế đầu tư | **3** |
| CLO4 | Xác định được những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 trở đi. Hiểu được bản chất, tính đúng đắn, phù hợp với qui luật khách quan của thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển thời đại của con đường cách mạng vô sản và quá trình phát triển đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Qua đó, giúp sinh viên lý giải được nguyên nhân của thành tựu cách mạng và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ hơn 90 năm Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời cho đến nay. | PLO1: 1.1, PLO2: 2.2, PLO3: 3.2 CTĐT Kinh tế đầu tư | **3** |

**Mối tương thích giữa CĐR học phần với Triết lý giáo dục của**

**Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung của triết lý giáo dục** | | **CĐR học phần** |
| ***Sáng tạo*** | Đào tạo hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học, chủ động tiếp cận và nắm bắt các cơ hội trong đời sống xã hội, trong nghề nghiệp | CLO3, CLO4 |
| ***Thực tiễn*** | Đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có tri thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu cần thiết phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại, của thị trường lao động và nhu cầu học tập tự thân của mỗi người | CLO1, CLO2,  CLO3, CLO4 |
| ***Hội nhập*** | Đào tạo giúp người học tích lũy tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, chủ động hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển bền vững | CLO3 |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*- Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*- Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*- Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | | | |
| 1.1 |  |  |  |  |  | 2.2 |  |  |  |  | 3.2 |  |  |  |
| CLO1 | R |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  | M |  |  |  |
| CLO2 | R |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  | M |  |  |  |
| CLO3 | R |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  | M |  |  |  |
| CL04 | R |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  | M |  |  |  |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

***9.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Hoàn thành các bài tập được giao.

- Nghiên cứu tài liệu học tập.

***9.2. Phần thực hành, tiểu luận (nếu có)***

**-** Hoàn thành các bài thực hành của học phần.

- Hoàn thành các bài tiểu luận theo yêu cầu.

***9.3. Phần khác (nếu có):*** Trong toàn khóa học, sinh viên có thể tham gia các cuộc thi tìm hiểu kiến thức các môn Lý luận Chính trị, tham dự chương trình tọa đàm các chuyên đề Lý luận Chính trị và kết hợp tham quan thực tế theo kế hoạch của Nhà trường tổ chức.

**10. Tài liệu học tập**

***-*** *Sách, giáo trình chính*:

1. Bộ GD & ĐT (2013), *GT Đường lối CM ĐCS Việt Nam*, NXB CTQG, Hà Nội.
2. Bộ GD & ĐT (2021), *GT Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB CTQG - Sự thật, Hà Nội.

***-*** *Tài liệu tham khảo:*

1. Trương Minh Dục (2014), *Chủ quyền quốc gia VN tại 2 quần đảo Hoàng Sa & Trường Sa qua tư liệu VN và nước ngoài*, Nhà xuất bản TT&Tr.thông, Hà Nội.
2. Nhiều tác giả (2014), *Hoàng Sa, Trường Sa là máu thịt Việt Nam*, Nhà xuất bản TT&Tr.thông, Hà Nội.
3. Ban tuyên giáo TW (2013), *100 câu hỏi - đáp về biển, đảo hành cho tuổi trẻ VN*, Nhà xuất bản TT&Tr.thông, Hà Nội.
4. Nguyễn Bá Diến (2013), *TLTK: Phục vụ công tác tập huấn tuyên truyền về biển, đảo*, Nhà xuất bản TT&Tr.thông, Hà Nội.
5. Đặng Công Ngữ (2014), *Kỷ yếu Hoàng Sa*, Nhà xuất bản TT&Tr.thông, Hà Nội.
6. Bộ ngoại giao (2013), *Chủ quyền của VN đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
7. Lê Quốc Lý (2019), *Kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong 30 năm đổi mới (1986-2016),* Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
8. Võ Thị Kim Thu (2019), *Tác động của hiệp định thương mại tự do đến phát triển nông nghiệp ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
9. Đặng Văn Tin (2019), *Đảng cộng sản Việt Nam chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình giai đoạn hiện nay,* Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
10. Cao Văn Phường (2019), *Xây dựng nền giáo dục mở*, Nhà xuất bản CTQG - Sự thật, Hà Nội.
11. Trần Văn Hoà (2020), *An ninh mạng trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*, Nhà xuất bản TT&Tr.thông, Hà Nội.
12. PGS.TS.Trần Quang Huy; TS. Bùi Văn Lương (2021), *Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025, tầm nhìn 2030*, Nhà xuất bản ĐHTN, Hà Nội.
13. Phạm Thị Nga, Trần Quang Huy (2017), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành tỉnh Thái Nguyên theo hướng phát triển bền vững*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội.
14. Ngô Thị Tân Hương, (2018), *Chuyên đề triết học*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Bộ môn Lý luận Chính trị (2023), Bài giảng Lịch sử Đảng, Lưu hành nội bộ, Thái Nguyên.
16. V.I.Lê – Nin Toàn tập (CD Rom) (2019)
17. Văn kiện Đảng Toàn tập (DVD Rom) (2020)
18. Hồ Chí Minh Toàn tập (DVD Rom) (2013)
19. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (2014), Văn kiện Đảng về phát triển Kinh tế - xã hội từ đổi mới (Năm 1986) đến nay. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**11. Phương pháp giảng dạy - học tập**

***- Phương pháp giảng dạy - học tập của học phần***

|  |
| --- |
| **Hộp 1: Lưu ý khi lựa chọn phương pháp giảng dạy - học tập**  Thực hiện mục tiêu đào tạo theo chương trình đào tạo Kinh tế đầu tư, Bộ môn Lý luận Chính trị thực hiện các phương pháp giảng dạy - học tập chính bao gồm: Phương pháp dạy học trực tiếp; Dạy học tương tác, Phương pháp thuyết trình và tự học: làm bài tập ở nhà. |
| **Hộp 2: Phương pháp dạy học của CTĐT**  **1. Dạy học trực tiếp**  Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.  Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được TCE áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture).  **1.1. Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)**: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trựctiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.  **1.2. Thuyết giảng (Lecture)**: Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dungtrong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thình thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.  **2. Dạy học tương tác**  Giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề, từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.  Các kỹ thuật, phương pháp được TCE áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Pear Learning).  **2.1. Tranh luận (Debates)**: là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đềliênquan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.  **2.2. Thảo luận (Discussion)**: Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành cácnhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.  **2.3. Học nhóm (Pear Learning)**: Sinh viên được tổchức thành các nhóm nhỏ đểcùng nhaugiải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.  **3. Tự học**  Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.  Phương pháp học theo chiến lược này được TCE áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assigment).  **3.1. Bài tập ở nhà (Work Assigment)**: Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụlàm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu. |

**Ma trận quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và phương pháp giảng dạy - học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Trình độ năng lực** | **Phương pháp giảng dạy - học tập** | | |
| **Dạy học trực tiếp** | **Dạy học tương tác** | **Tự học** |
| CLO1 | 3 | x | x | x |
| CLO2 | 3 | x | x | x |
| CLO3 | 3 | x | x | x |
| CLO4 | 3 | x | x | x |

**12. Nội dung giảng dạy chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Nội dung giảng dạy**  *(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **Chuẩn đầu ra học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp dạy học** *(Thuyết giảng, thảo luận nhóm...)* | **Phương pháp đánh giá**  *(Kiểm tra quá trình, trắc nghiệm, thuyết trình nhóm...)* |
| 1-2 | **Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**  I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng  2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng  III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  1. Quán triệt phương pháp luận sử học  2. Các phương pháp cụ thể  IV. Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | CLO1 | PLO1:1.1(R),  PLO2:2.2 (R),  PLO3: 3.2 (M)  CTĐT Kinh tế đầu tư | Thuyết giảng, tranh luận,thảo luận, tự học | - Đánh giá, nhận xét sinh viên trả lời câu hỏi  - Chương mở đầu, chương 1, chương 2 có bài kiểm tra viết để lấy điểm kiểm tra định kỳ số 1 |
| 3-5 | **Chương I: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)**  I. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930)  1. Bối cảnh lịch sử  a, Tình hình thế giới  b, Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng  2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng.  3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.  a, Các tổ chức cộng sản ra đời  b, Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam  c, Nội dung cơ bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng  4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam | CLO1 | PLO1:1.1(R),  PLO2:2.2 (R),  PLO3: 3.2 (M)  CTĐT Kinh tế đầu tư | Thuyết giảng, tranh luận,thảo luận, tự học |
| 6-9 | **Chương I: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) (Tiếp)**  II. Lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)  1. Phong trào cách mạng 1930 -1931 và khôi phục phong trào 1932- 1935  a, Phong trào cách mạng năm 1930 -1931 và Luận cương chính trị tháng 10/1930  b, Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 10/1930  c, Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ I (tháng 3/1935)  2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939  a, Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng  b, Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình  3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945  a, Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng  b, Phong trào chống Pháp – Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang  c, Cao trào kháng Nhật cứu nước  d, Tổng khởi nghĩa giành chính quyền  4. Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945  a, Tính chất  b, Ý nghĩa  c, Bài học kinh nghiệm | CLO1 | PLO1:1.1(R),  PLO2:2.2 (R),  PLO3: 3.2 (M)  CTĐT Kinh tế đầu tư | Thuyết giảng, tranh luận,thảo luận, tự học |
| 10-12 | **Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 -1975)**  I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyển cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)  1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946  a, Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945  b, Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng  c, Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ  2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946 – 1950)  a, Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng  b, Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến (1947 – 1950)  3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951- 1954)  a, Đại hội đại biểu lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951)  b, Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt  c, Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến  4.Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ  a, Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến  b, Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến. | CLO2 | PLO1:1.1(R),  PLO2:2.2 (R),  PLO3: 3.2 (M)  CTĐT Kinh tế đầu tư | Thuyết giảng, tranh luận,thảo luận, tự học |
| 13-18 | **Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 -1975) (Tiếp)**  II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)  1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc (1954-1965)  a, Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954-1960)  b, Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1961 – 1965)  2. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965 – 1975)  a, Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng  b, Xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1965 – 1968)  c, Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969 – 1975)  3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 – 1975  a, Ý nghĩa  b, Kinh nghiệm | CLO2 | PLO1:1.1(R),  PLO2:2.2 (R),  PLO3: 3.2 (M)  CTĐT Kinh tế đầu tư | Thuyết giảng, tranh luận,thảo luận, tự học |
| 19 | **Thi giữa kì** | CLO1  CLO2 | PLO1:1.1(R),  PLO2:2.2 (R),  PLO3: 3.2 (M)  CTĐT Kinh tế đầu tư |  | Bài thi viết  giữa kỳ |
| 20-25 | **Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ năm 1975 đến nay)**  I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)  1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)  a, Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước  b, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc  2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 - 1986  a, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội  b, Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế  II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ( Từ năm 1986 đến nay)  1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996  a, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện.  b, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  c, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng | CLO3 | PLO1:1.1(R),  PLO2:2.2 (R),  PLO3: 3.2 (M)  CTĐT Kinh tế đầu tư | Thuyết giảng, tranh luận,thảo luận, tự học | - Đánh giá, nhận xét sinh viên trả lời câu hỏi  - Chương 3 và Phần Kết luận có bài thảo luận lấy điểm bài kiểm tra định kỳ số 2 |
| 26-31 | **Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ năm 1975 đến nay) (Tiếp)**  2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (Từ năm 1996 đến nay)  a, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá  b, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước  c, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội  d, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991  đ, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.  e, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa  3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới  a, Thành tựu  b, Hạn chế  c, Những hạn chế, khuyết điểm trên đây có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu  d, Một số kinh nghiệm | CLO3 | PLO1:1.1(R),  PLO2:2.2 (R),  PLO3: 3.2 (M)  CTĐT Kinh tế đầu tư | Thuyết giảng, tranh luận,thảo luận, tự học |
| 32-36 | **Kết luận**  - Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam  + Một là, thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.  + Hai là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc  + Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội.  - Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng  + Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội  + Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân  + Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế  + Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế  + Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam  + Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm nổi bật những truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam | CLO4 | PLO1:1.1(R),  PLO2:2.2 (R),  PLO3: 3.2 (M)  CTĐT Kinh tế đầu tư | Thuyết giảng, tranh luận,thảo luận, tự học |

**13. Phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá**

***13.1. Các phương pháp đánh giá***

|  |
| --- |
| **Hộp 3: Lưu ý khi xây dựng phương pháp đánh giá**  - Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Bộ môn Lý luận Chính trị thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.  Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẽ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.  Bộ môn Lý luận Chính trị đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT của Bộ môn được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment). |
| **Hộp 4: Cụ thể các phương pháp đánh giá**  **\* Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment): Có tính điểm**  **1. Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)**  Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1.  \* **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment): Có tính điểm**  **2. Kiểm tra viết (Written Exam)**  Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.  **3. Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)**  Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.  **4. Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)**  Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubic 7. |

***13.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá***

**\* Ma trận đánh giá chuẩn đầu ra**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần** | **Trình độ**  **năng lực** | **Thường xuyên (30%)** | **Giữa học phần (20%)** | **Kết thúc học phần (50%)** |
| CLO1 | 3 | x | x | x |
| CLO2 | 3 | x | x | x |
| CLO3 | 3 | x | x | x |
| CLO4 | 3 | x | x | x |

**\* Đánh giá học phần**

**Đánh giá chuyên cần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số(%)** |  |  | **Điểm** | | | | |
| **10** | **9** | **8** | **7** | **6** | **5** | **0** |
| Tham gia tiết học | 20 | Đủ | Nghỉ <5% tổng số tiết | Nghỉ từ 5% đến <10% | Nghỉ từ 10% đến <15% | Nghỉ từ 15% đến 20% | Sv nghỉ học >20% ko được tham dự thi kết thúc HP | |
| Đi học | 10 | Đúng giờ | Muộn 1 tiết | Muộn 2 tiết | Muộn 2 3 tiết | Muộn 4 tiết |  | Muộn từ 5 tiết trở lên |
| Phát biểu trên lớp + kiểm tra vấn đáp | 20 | Số lần từ 5 trở lên | Số lần: 4 | Số lần: 3 | Số lần: 2 | Số lần: 1 |  | Số lần: 0 |
| Bài kiểm tra định kỳ số 1- Kiểm tra viết | 25 | Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn | | | | | | |
| Bài kiểm tra định kỳ số 2- Bài tập nhóm | 25 | Luôn tham gia bài tập nhóm tích cực và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm | Tham gia bài tập nhóm và đóng góp ý kiến hay. | Tham gia bài tập nhóm và có đóng góp ý kiến. | Hiếm khi tham gia vào bài tập nhóm và đóng góp ý kiến. |  |  | Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm. |

**Đánh giá điểm giữa kỳ:** Bài kiểm tra viết 50 phút theo thang điểm 10 dựa trên đề và đáp án được thiết kế sẵn của Bộ môn.

**Đánh giá điểm thi kết thúc học phần:** Bài kiểm tra viết 60 phút theo thang điểm 10 dựa trên đề và đáp án từ Bộ ngân hàng câu hỏi.

***13.3. Hệ thống tính điểm***

Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10 sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Điểm đánh giá bộ phận gồm:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 30%

+ Điểm thi giữa học phần: 20%

+ Điểm thi kết thúc học phần: 50%

***13.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức kiểm tra** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR học phần được đánh giá** | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương**  **pháp đánh**  **giá** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ %** |
| Kiểm tra chuyên cần | Tham gia tiết học, đi học, phát biểu trên lớp | Trong suốt quá trình học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | PLO1:1.1(R)  PLO2:2.2(R)  PLO3: 3.2 (M)  CTĐT Kinh tế đầu tư | Điểm danh, đánh giá trong quá trình học trên lớp |  | 30% |
| Toàn bộ kiến thức của chương mở đầu, chương 1, chương 2 | Kết thúc chương 2 | Kiểm tra viết |  |
| Toàn bộ kiến thức của chương 3, phần Kết luận | Trong quá trình học chương 3, phần Kết luận | Kiểm tra bài tập tiểu luận theo nhóm |  |
| Kiểm tra giữa học phần | Kiến thức của chương 1, 2 | Tiết 19 | CLO1  CLO2 | PLO1:1.1(R)  PLO2:2.2 (R)  PLO3: 3.2 (M) CTĐT Kinh tế đầu tư | Kiểm tra viết |  | 20% |
| Thi kết thức học phần | - Nội dung bao quát tất cả các CĐR quan trọng của môn học.  - Thời gian làm bài 60 phút. *(Sinh viên không được sử dụng tài liệu).* | Cuối học kỳ | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | PLO1:1.1(R)  PLO2:2.2 (R)  PLO3: 3.2 (M) CTĐT Kinh tế đầu tư | Kiểm tra viết |  | 50% |

***13.5. Bảng đối chiếu các CĐR học phần được đánh giá***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần** | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | | | | **Phương pháp/Công cụ kiểm tra, đánh giá** | | |
| **Điểm danh, phát biểu** | **Bài kiểm tra định kỳ** | **Bài kiểm tra giữa học phần** | **Thi kết thúc học phần** | **Câu hỏi** | **Bài tập** | **Đề kiểm tra** |
| CLO1 | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO2 | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO3 | x | x |  | x | x | x | x |
| CLO4 | x | x |  | x | x | x | x |

**14. Các yêu cầu đối với sinh viên**

Các bài tập ở nhà và bài tập theo nhóm phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá 0 (không) điểm quá trình và cuối kỳ…

**15. Ngày phê duyệt lần đầu: Ngày tháng năm 20….**

**16. Cấp phê duyệt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **TS. Phạm Hồng Trường** | **Trưởng Bộ môn**  **TS. Phạm Thị Nga** | **Nhóm biên soạn**  **Th.S Nguyễn Thị Như Quỳnh** |

**17. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1:  **ngày tháng năm 20….** | **(Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)**  **Th.S Nguyễn Thị Như Quỳnh**  **Trưởng Bộ môn:**  **TS. Phạm Thị Nga** |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2:  **ngày tháng năm 20….** | **(Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)**  **Th.S Nguyễn Thị Như Quỳnh**  **Trưởng Bộ môn:**  **TS. Phạm Thị Nga** |